

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B3**
Mã MH/MĐ: **MD003008**
Tên MH/MĐ: **Bảng tính diện tử**
Số TC: **3**

Năm học: **24-25**

Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030417	Trần Văn Thanh	Bình	07/11/2009			9	8	6.0	6.0			7.5		7.2
2	2454802030418	Phan Thị Ngọc	Đá	31/05/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
3	2454802030419	Trần Nguyễn Thị Kim	Đào	30/08/2009			9	9	8.5	9.0			9.8		9.4
4	2454802030420	Trịnh Thị Hồng	Đào	07/12/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2454802030421	Phạm Văn	Ha	17/07/2009			7	8	7.0	9.0			6.8		7.2
6	2454802030422	Phạm Võ Khắc	Hào	13/03/2009			10	9	7.0	8.0			10.0		9.3
7	2454802030423	Trần Nhựt	Hào	02/07/2009			9	8	8.0	10.0			9.5		9.2
8	2454802030424	Võ Lê Minh	Hiếu	14/08/2009			9	7	7.5	9.5			5.5		6.6
9	2454802030425	Võ Nguyễn Hoàng	Huy	17/02/2009			8.5	7	7.5	8.5			8.8		8.4
10	2454802030426	Lương Thị Mỹ	Huyền	26/10/2009			9	9.5	6.5	5.0			9.8		8.6
11	2454802030427	Trần Văn	Khải	17/06/2008			10	6	7.5	6.0			8.8		8.1
12	2454802030428	Phạm Trần	Khang	21/08/2009			10	9.5	8.0	10.0			9.0		9.1
13	2454802030429	Thái Gia	Khang	06/12/2009			8.5	9.5	7.0	10.0			9.5		9.2
14	2454802030430	Hồ Lê Minh	Khoa	09/09/2008			7.5	9.5	5.0	5.0			9.5		8.2
15	2454802030431	Phạm Hoàng	Nam	09/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
16	2454802030432	Phan Thủy Ngọc	Ngân	31/08/2009			9	8.5	6.0	5.0			9.0		8.0
17	2454802030433	Trần Trí	Nghĩa	01/12/2009			10	8	9.0	7.5			9.3		9.0
18	2454802030434	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	31/10/2009			6	7	7.0	6.0			8.0		7.4
19	2454802030435	Nguyễn Thái	Nguyên	10/07/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2454802030436	Nguyễn Thị Tổ	Như	06/08/2008			9	8.5	0.0	0.0			0.0	0.0	1.2
21	2454802030437	Võ Minh	Nhựt	27/02/2009			8	9	7.5	10.0			9.3		9.0
22	2454802030438	Phan Trương Nhật	Phát	29/11/2008			9	9.5	8.0	7.0			9.3		8.8
23	2454802030439	Trần Quốc	Phong	06/10/2009			7.5	8.5	6.5	7.0			7.0		7.1
24	2454802030440	Trần Văn Phú	Quý	12/01/2009			10	8	5.5	7.0			6.0		6.5
25	2454802030441	Nguyễn Thành Đạt	Runi	23/12/2009			9	9	7.5	9.0			9.3		9.0
26	2454802030442	Phạm Văn	Sang	27/03/2003			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
27	2454802030443	Võ Phước	Tài	14/10/2009			5	5	5.0	5.0			7.8		6.7
28	2454802030444	Nguyễn Quốc	Thanh	26/09/2009			9	7	8.0	8.0			9.3		8.8
29	2454802030445	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Thư	24/07/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
30	2454802030446	Trần Thị Minh	Thư	28/08/2008			9	8.5	5.0	5.0			9.0		7.9
31	2454802030447	Phạm Chí	Thựt	21/03/2009			10	8	7.5	8.0			6.8		7.3
32	2454802030448	Nguyễn Trí	Toàn	03/03/2009			10	8	8.5	10.0			9.8		9.5
33	2454802030449	Ngô Thị Thanh	Trúc	26/12/2009			9	8.5	8.0	8.0			9.8		9.2
34	2454802030450	Thiều Thanh	Tường	27/03/2009			9	9.5	5.5	6.0			9.3		8.3
35	2454802030451	Trần Ngọc Cát	Tường	10/01/2008			9	9.5	6.5	8.0			9.5		8.9
36	2454802030452	Trần Thị Bảo	Uyên	04/09/2009			9	9.5	5.0	5.0			9.3		8.1

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030453	Trần Nguyễn Duy	Vũ	03/04/2009			10	7	8.5	9.0			9.3		9.0
38	2454802030454	Trần Ý	Ý	07/11/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 15 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thành Tài